

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

QUÝ III CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2021	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		322,169,630,586	261,402,477,395
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	157,947,807,053	147,227,635,195
1. Tiền	111		103,447,807,053	81,727,635,195
2. Các khoản tương đương tiền	112		54,500,000,000	65,500,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11,500,000,000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	11,500,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152,323,784,274	113,054,467,595
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	106,777,076,361	99,734,885,156
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	36,619,600,157	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	10,298,871,953	14,423,988,179
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1,371,764,197)	(1,104,405,740)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		398,039,259	1,120,374,605
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	398,039,259	1,120,374,605
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,118,891,524,981	1,178,086,014,180
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		630,000,000	630,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	630,000,000	630,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		729,576,858,550	774,163,512,636
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	728,576,214,735	773,742,495,137
<i>Nguyên giá</i>	222		1,168,510,710,461	1,167,043,705,402
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(439,934,495,726)	(393,301,210,265)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1,000,643,815	421,017,499
<i>Nguyên giá</i>	228		2,872,771,400	1,729,271,400
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,872,127,585)	(1,308,253,901)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	20,178,428,194	20,101,850,936
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20,178,428,194	20,101,850,936
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	7,238,210,000	7,238,210,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7,238,210,000	7,238,210,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		361,268,028,237	375,952,440,608
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	361,018,577,905	375,702,990,276
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		249,450,332	249,450,332
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,441,061,155,567	1,439,488,491,575

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		981,151,235,002	996,680,803,176
I. Nợ ngắn hạn	310		311,458,431,273	307,558,633,897
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	118,219,270,516	138,183,053,389
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21,651,745	6,696,231
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	29,194,878,785	9,770,294,639
4. Phải trả người lao động	314		3,953,513,367	7,476,203,233
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	16,995,392,197	7,952,619,129
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14a	3,596,545,728	3,596,545,728
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	74,861,288,199	64,918,304,963
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	60,281,546,728	73,157,430,368
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	4,334,344,008	2,497,486,217
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		669,692,803,729	689,122,169,279
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14b	130,062,479,660	132,759,955,529
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	267,985,376,905	258,206,653,810
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	271,644,947,164	298,155,559,940
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		459,909,920,565	442,807,688,399
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	459,909,920,565	442,807,688,399
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		245,022,450,000	245,022,450,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245,022,450,000	245,022,450,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		108,888,115,624	93,986,186,492
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68,348,473,844	69,715,198,510
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5,542,889,409	69,715,198,510
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		62,805,584,435	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		37,650,881,097	34,083,853,397
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,441,061,155,567	1,439,488,491,575

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu

Đào Thanh Bình

Kế toán trưởng

Lê Quỳnh Quang

Giám đốc



Phan Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	131,348,102,587	115,087,238,679	386,918,184,044	333,754,675,766
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		131,348,102,587	115,087,238,679	386,918,184,044	333,754,675,766
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	88,115,443,250	76,490,128,651	256,801,879,462	219,029,220,151
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43,232,659,337	38,597,110,028	130,116,304,582	114,725,455,615
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	457,223,474	715,438,410	1,686,034,692	3,061,325,538
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6,526,886,395	7,978,555,782	20,436,796,287	26,469,971,966
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5,913,769,165	5,738,992,247	19,381,566,124	23,110,618,314
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	551,225,814	321,389,273	3,201,081,503	2,060,284,632
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11,241,103,966	9,595,606,301	31,523,839,697	28,129,911,741
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25,370,666,636	21,416,997,082	76,640,621,787	61,126,612,814
12. Thu nhập khác	31	VI.7	-	7,081,600	24,929,514	64,916,471
13. Chi phí khác	32	VI.8	304,722,792	82,452,290	1,075,941,888	279,043,445
14. Lợi nhuận khác	40		(304,722,792)	(75,370,690)	(1,051,012,374)	(214,126,974)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25,065,943,844	21,341,626,392	75,589,609,413	60,912,485,840
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4,999,601,499	3,745,556,196	15,328,651,435	11,908,810,979
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20,066,342,345	17,596,070,196	60,260,957,978	49,003,674,861

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		19,198,613,263	16,314,306,140	56,693,930,278	45,196,319,037
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		867,729,082	1,281,764,056	3,567,027,700	3,807,355,824
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	784	666	2,101	1,670
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	784	666	2,101	1,670

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu



Đào Thanh Bình

Kế toán trưởng



Lê Quỳnh Quang

Giám đốc



Phan Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	số	minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		75,589,609,413	60,912,485,840
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.10	47,197,159,145	44,938,221,822
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	267,358,457	456,947,466
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,363,994,516)	(1,871,382,905)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	19,381,566,124	23,110,618,314
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		141,071,698,623	127,546,890,537
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(39,722,784,725)	72,257,538,249
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3,511,793,433)	13,556,290,559
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		15,406,747,717	3,357,435,804
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19,827,864,646)	(23,160,971,647)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(9,451,797,799)	(11,724,076,150)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	16,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(4,568,500,521)	(9,942,202,484)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		79,395,705,216	171,906,904,868
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(2,687,082,317)	(24,931,257,751)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11,500,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,550,104,105	1,814,455,503
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12,636,978,212)	(23,116,802,248)

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	12,394,902,266	11,634,086,598
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(51,781,398,682)	(41,373,903,779)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16,652,058,730)	(57,874,507,170)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(56,038,555,146)	(87,614,324,351)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10,720,171,858	61,175,778,269
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	147,227,635,195	88,769,441,384
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	157,947,807,053	149,945,219,653

Người lập biểu

Đào Thanh Bình

Kế toán trưởng

Lê Quỳnh Quang

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2021

Giám đốc



Phan Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty và công ty con là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và công ty con là: Xếp dỡ hàng hóa, container; đại lý giao nhận hàng hóa; vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy; dịch vụ phân loại, lưu trữ và đóng gói hàng hóa, đóng gói hàng container; kinh doanh kho bãi.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và công ty con không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong kỳ, nhóm công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Công ty con được hợp nhất

Công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long có trụ sở chính tại Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là cho thuê kho bãi, lưu trữ hàng hóa; vận tải hàng hóa; bốc xếp hàng hóa, đóng gói hàng hóa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 51% (số đầu năm là 51%).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty và công ty con có 333 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 336 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty và công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và công ty con và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và công ty con và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty và công ty con không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty và công ty con so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty và công ty con chủ yếu là chi phí thuê cơ sở hạ tầng, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa thể hiện chi phí bù lún, san lấp ban đầu cho phần đất Công ty và công ty con đang sử dụng. Chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại tính từ thời điểm hoàn thành công tác bù lún, san lấp đến thời điểm hết thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty và công ty con đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 – 20
Máy móc và thiết bị	3 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	3

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty và công ty con là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty và công ty con) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty và công ty con ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty và công ty con hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty và công ty con phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty và công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty và công ty con.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty và công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty và công ty con đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	258.538.722	1.240.079.356
Tiền gửi ngân hàng	103.189.268.331	80.487.555.839
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	54.500.000.000	65.500.000.000
Cộng	<u>157.947.807.053</u>	<u>147.227.635.195</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty và công ty con bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 01 năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty và công ty con bao chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty và công ty con như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội ⁽ⁱ⁾	5.238.210.000		16.522.541.650	5.238.210.000		- 11.756.818.000
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long ⁽ⁱⁱ⁾	2.000.000.000			2.000.000.000		-
Cộng	<u>7.238.210.000</u>			<u>7.238.210.000</u>		<u>-</u>

(i) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty và công ty con đầu tư cổ phiếu vào Ngân hàng TMCP Quân đội với giá trị 5.238.210.000 VND tương ứng với 593.269 cổ phần. Đây là khoản ủy thác đầu tư qua Công ty mẹ là Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty và Công ty con đã đầu tư 2.000.000.000 VND, tương đương 8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long, không thay đổi so với số đầu năm

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty và công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	12.877.732.349	9.689.966.128
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	12.855.593.534	9.605.616.661
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.536.009	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	7.168.363	84.349.467
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	13.434.443	-
Phải thu các khách hàng khác	93.899.344.012	90.044.919.028
Công ty TNHH Dịch vụ Chuỗi cung ứng DHL Việt Nam	3.929.217.435	5.910.385.912
Công ty Global Home, K.S.		3.412.094.449
Công ty TNHH Nestle Việt Nam		2.950.387.105
Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	6.282.166.000	8.723.124.666
Công ty TNHH Tiến Nga	15.174.942.911	13.518.573.586
Công ty TNHH Dịch Vụ Giao nhận - Vận tải và Thương mại Công Thành		498.685.470
Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu	13.499.364.362	13.304.006.915
Các khách hàng khác	55.013.653.304	41.727.660.925
Cộng	106.777.076.361	99.734.885.156

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng T.cons	33.812.597.553	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư Phát triển Đô Thị miền Nam	2.595.017.997	-
Các nhà cung cấp khác	211.984.607	-
Cộng	36.619.600.157	-

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	10.298.871.953	-	14.423.988.179	-
Tạm ứng	2.672.799.029	-	3.117.362.724	-
Ký cược, ký quỹ	463.100.000	-	333.100.000	-
Các khoản chi hộ	1.942.155.178	-	1.098.379.434	-
Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu (chi phí thu, chi hộ và cược cont)	4.598.359.685	-	8.094.802.932	-
Phải thu về kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	-	-	352.690.753	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	-	186.109.589	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	622.458.061	-	1.241.542.747	-
Cộng	10.298.871.953	-	14.423.988.179	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản nhận ký cược, ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị dự phòng		Giá gốc	Giá trị dự phòng
Các tổ chức và cá nhân khác		1.713.161.126	(1.371.764.197)		1.713.161.126	(1.104.405.740)
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	Trên 3 năm	5.010.000	(5.010.000)	Trên 3 năm	5.010.000	(5.010.000)
Công ty TNHH Phát triển Sản xuất Hàng gia dụng và Công nghiệp	Trên 3 năm	49.320.000	(49.320.000)	Trên 3 năm	49.320.000	(49.320.000)
Công ty TNHH Thái Bình Long	Trên 3 năm	133.405.526	(133.405.526)	Trên 3 năm	133.405.526	(133.405.526)
Công ty TNHH Con đường Vận chuyển	Từ 2 năm đến 3 năm	500.131.103	(350.091.772)	Từ 2 năm đến 3 năm	500.131.103	(350.091.772)
	Trên 3 năm	107.862.387	(107.862.387)	Trên 3 năm	107.862.387	(107.862.387)
Công ty TNHH JLL Express Việt Nam	Từ 2 năm đến 3 năm	917.432.110	(726.074.512)	Từ 2 năm – 3 năm	917.432.110	(458.716.055)
Cộng		1.713.161.126	(1.371.764.197)		1.713.161.126	(1.104.405.740)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.104.405.740	676.170.960
Trích lập dự phòng bổ sung	267.358.457	456.947.466
Số cuối kỳ	1.371.764.197	1.133.118.426

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	118.841.260	199.120.075
Chi phí phần mềm	239.295.499	35.000.000
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	39.902.500	791.435.290
Chi phí bảo hiểm	-	94.819.240
Cộng	398.039.259	1.120.374.605

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng ⁽ⁱ⁾	308.743.018.358	321.474.480.038
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	51.548.249.796	53.304.095.610
Chi phí phần mềm	121.666.055	185.494.180
Chi phí hoa hồng	605.643.696	738.920.448
Cộng	361.018.577.905	375.702.990.276

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Công ty và Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đã ký hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng, chi tiết như sau:

<u>Hợp đồng</u>	<u>Địa điểm</u>	<u>Thời hạn</u>
HĐ số 02/HĐ-ICDLB ngày 24 tháng 9 năm 2009	Thuê đất thuộc khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình tọa lạc tại khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	49 năm kể từ ngày ký hợp đồng
HĐ số 243/HĐ-TC-KHKD ngày 10 tháng 8 năm 2010	Thuê đất thuộc khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình tọa lạc tại khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	49 năm kể từ ngày ký hợp đồng
HĐ số 181/TCT-KHKD năm 2014	Thuê đất thuộc khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình tọa lạc tại khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	44 năm kể từ ngày ký hợp đồng
HĐ số 256/TCT-KHKD ngày 01 tháng 6 năm 2015	Thuê đất thuộc khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình tọa lạc tại khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	43 năm kể từ ngày ký hợp đồng
HĐ số 359/TCT-KHKD ngày 01 tháng 10 năm 2017	Thuê đất thuộc khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình tọa lạc tại khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Từ thời điểm ký hợp đồng đến 01/01/2063
HĐ số 360/TCT-KHKD ngày 01 tháng 10 năm 2017	Thuê đất thuộc khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình tọa lạc tại khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Từ thời điểm ký hợp đồng đến 01/01/2063

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.072.537.260.676	3.887.535.573	82.598.188.339	3.767.162.189	4.253.558.625	1.167.043.705.402
Mua trong kỳ	-	655.612.455	-	-	736.566.194	1.392.178.649
Đầu tư XDCB hoàn thành	74.826.410	-	-	-	-	74.826.410
Số cuối kỳ	1.072.612.087.086	4.543.148.028	82.598.188.339	3.767.162.189	4.990.124.819	1.168.510.710.461
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.488.160.232	1.128.106.400	40.225.910.619	2.590.936.477	2.681.521.015	49.114.634.743
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	321.344.241.340	1.946.635.093	64.243.704.514	2.961.452.290	2.805.177.028	393.301.210.265
Khấu hao trong kỳ	41.345.655.837	658.181.610	3.887.498.187	269.602.112	472.347.715	46.633.285.461
Số cuối kỳ	362.689.897.177	2.604.816.703	68.131.202.701	3.231.054.402	3.277.524.743	439.934.495.726
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	751.193.019.336	1.940.900.480	18.354.483.825	805.709.899	1.448.381.597	773.742.495.137
Số cuối kỳ	709.922.189.909	1.938.331.325	14.466.985.638	536.107.787	1.712.600.076	728.576.214.735
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm quản lý. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.729.271.400	1.308.253.901	421.017.499
Mua sắm trong kỳ	1.143.500.000		1.143.500.000
Khấu hao trong kỳ		563.873.684	563.873.684
Số cuối kỳ	2.872.771.400	1.872.127.585	1.000.643.815

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	578.442.590	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.000.850.000	1.680.928.649	(2.535.678.649)	146.100.000
Xây dựng cơ bản dở dang	19.101.000.936	1.006.153.668	(74.826.410)	20.032.328.194
<i>Hạng mục san gạt mặt bằng - khu đất 76 ha</i>	<i>19.048.644.286</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>19.048.644.286</i>
<i>Hạng mục thi công nhà để xe máy kho 01</i>	<i>52.356.650</i>	<i>22.469.760</i>	<i>(74.826.410)</i>	<i>-</i>
<i>Hạng mục giám sát, khảo sát dự án đầu tư kho 24, 25</i>	<i>-</i>	<i>983.683.908</i>	<i>-</i>	<i>983.683.908</i>
Cộng	20.101.850.936	2.687.082.317	(2.610.505.059)	20.178.428.194

11. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	92.520.570.454	102.810.482.857
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	81.874.223.320	91.559.099.480
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	295.277.629	701.169.762
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	44.600.000	99.800.000
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	33.264.000	43.515.000
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng – STC	21.000.000	34.200.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	13.567.500	102.005.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	177.730.005	297.730.615
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	10.060.908.000	9.972.963.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	25.698.700.062	35.372.570.532
Công ty TNHH An Trung Phát	2.261.582.984	3.981.220.286
Công ty Cổ phần Hai hai Mười hai	2.082.197.712	2.019.097.111
Công ty Cổ phần Xây dựng T.cons		9.682.317.216
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Thiết kế M&T	75.097.476	1.555.936.298
Công ty Cổ phần Xây dựng Vận tải Số Chín	1.866.529.100	1.866.529.100
Các nhà cung cấp khác	19.413.292.790	16.267.470.521
Cộng	118.219.270.516	138.183.053.389

Công ty và công ty con không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.163.766.794	24.770.444.175	(11.093.088.402)	16.841.122.567
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.461.100.206	15.328.651.435	(9.451.797.799)	12.337.953.842
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ bên hợp tác kinh doanh	-	1.990.872.674	(1.990.872.674)	-
Thuế thu nhập cá nhân	145.427.639	1.596.367.114	(1.725.992.377)	15.802.376
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	9.770.294.639	43.692.335.398	(24.267.751.252)	29.194.878.785

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ cung cấp cho các hãng tàu nước ngoài	0%
Cung cấp nước sạch	5%
Các dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	15.237.284.162	11.908.810.979
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	91.367.273	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	15.328.651.435	11.908.810.979

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Công ty và công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và công ty con kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>93.413.414</i>	<i>30.707.091</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Chi phí xếp dỡ, vận chuyển, chi phí khác	93.413.414	30.707.091
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>16.901.978.783</i>	<i>7.921.912.038</i>
Chi phí lãi vay phải trả	-	446.298.522
Chi phí vận chuyển, bốc xếp, nâng hạ	10.044.062.551	1.184.301.589
Chi phí thuê kho, xe nâng, pallet	1.964.113.422	-
Chi phí đầu tư xây dựng kho	-	6.150.400.000
Chi phí tham quan du lịch	1.313.655.055	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.279.102.300	140.911.927
Cộng	<u>16.995.392.197</u>	<u>7.952.619.129</u>

14. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các hợp đồng cho thuê cơ sở hạ tầng, thuê kho, thuê mái vòm, chi tiết như sau:

14a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	<i>1.145.371.901</i>	<i>1.145.371.901</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	1.145.371.901	1.145.371.901
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức khác</i>	<i>2.451.173.827</i>	<i>2.451.173.827</i>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Long Bình	451.592.431	451.592.431
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải và Thương mại Công Thành	1.999.581.396	1.999.581.396
Cộng	<u>3.596.545.728</u>	<u>3.596.545.728</u>

14b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	<i>41.344.028.923</i>	<i>42.203.057.854</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	41.344.028.923	42.203.057.854
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức khác</i>	<i>88.718.450.737</i>	<i>90.556.897.675</i>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Long Bình	16.095.566.108	16.434.260.435
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải và Thương mại Công Thành	72.622.884.629	74.122.637.240
Cộng	<u>130.062.479.660</u>	<u>132.759.955.529</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**15. Phải trả khác****15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan - Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	47.744.650.660	30.698.653.856
Phải trả tiền thuê đất, tiền ăn ca	28.882.150.660	30.698.653.856
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	18.862.500.000	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	27.116.637.539	34.219.651.107
Kinh phí công đoàn	365.515.404	428.984.274
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	347.213.328	315.021.867
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.510.148.229	18.018.697.932
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (phải trả liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh)	8.151.647.263	10.289.251.113
Thuế GTGT đầu ra chưa kê khai	-	706.731.410
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.711.014.165	2.472.205.395
Phải trả tiền ăn ca, phụ cấp độc hại	642.031.061	-
Các khoản thu hộ	559.620.842	721.303.786
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	829.447.247	1.267.455.330
Cộng	74.861.288.199	64.918.304.963

15b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức khác	267.985.376.905	258.206.653.810
Nhận ký quỹ, ký cược ⁽ⁱ⁾	176.515.376.905	166.736.653.810
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình - Phải trả tiền hợp tác kinh doanh dài hạn tại kho hàng ⁽ⁱⁱ⁾	91.470.000.000	91.470.000.000
Cộng	267.985.376.905	258.206.653.810

⁽ⁱ⁾ Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các tổ chức khác, chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dịch vụ chuỗi cung ứng DHL Việt Nam	5.703.429.600	5.703.429.600
Global Home, K.s.	9.248.000.000	9.278.000.000
Công ty TNHH Pacorini Việt Nam	5.649.636.600	-
Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu	113.825.746.125	113.825.746.125
Công ty Cổ phần Tiến Nga	23.200.000.000	23.200.000.000
Các khách hàng khác	18.888.564.580	14.729.478.085
Cộng	176.515.376.905	166.736.653.810

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Công ty và Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh dài hạn, trong đó, Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình góp tỷ lệ 49%, chi tiết như sau:

<u>Hợp đồng</u>	<u>Mục đích hợp tác</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Số tiền góp (VND)</u>
HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB ngày 21 tháng 09 năm 2013	Đầu tư xây dựng kho 1A tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình	45 năm kể từ ngày ký hợp đồng	24.990.000.000
Phụ lục 01 HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB/PL1 ngày 08 tháng 05 năm 2014	Xây dựng thêm kho 14A tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình	Theo thời gian của hợp đồng số 485	27.139.000.000
Phụ lục 02 HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB/PL2 ngày 15 tháng 06 năm 2015	Xây dựng thêm kho 20 tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình	Theo thời gian của Hợp đồng số 485 và Phụ lục 01	39.341.000.000
Cộng			91.470.000.000

Công ty và công ty con không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay**16a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú	31.266.133.499	38.888.279.319
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	18.796.262.180	22.200.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	10.219.151.049	12.069.151.049
Cộng	60.281.546.728	73.157.430.368

Công ty và công ty con có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	73.157.430.368	60.688.279.318
Số kết chuyển từ vay dài hạn	38.905.515.042	17.072.069.832
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(51.781.398.682)	(41.373.903.779)
Số cuối kỳ	60.281.546.728	36.368.445.371

16b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	122.763.676.864	141.789.074.823
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	62.571.264.068	77.221.264.068
Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	86.310.006.232	79.145.221.049
Cộng	271.644.947.164	298.155.559.940

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty và Công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay ký kết trong các năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019. Mục đích vay để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; xây dựng và cải tạo các kho hàng; thanh toán tiền thuê đất cho Công ty mẹ (Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn); mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải;... Thời hạn vay từ 60 đến 96 tháng, tùy theo từng hợp đồng. Lãi suất áp dụng trong năm 2020 là từ 7,1% đến 9,2%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa của Công ty và Công ty con theo các hợp đồng vay ký kết trong các năm 2013, 2014, 2016. Mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà kho, thời hạn vay từ 120 tháng đến 144 tháng, lãi suất quy định trên từng khế ước nhận nợ. Lãi suất áp dụng trong năm 2020 là 8,0%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 40925/19MN/HĐTĐ ngày 05/11/2019 để thanh toán, bù đắp chi phí đầu tư xây dựng, thiết bị Dự án đầu tư xây dựng kho số 1&2 khu 8,9 ha ICD Tân Cảng – Long Bình, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp Công trình xây dựng trên đất và quyền khai thác công trình xây dựng hình thành từ Dự án đầu tư xây dựng kho số 1&2 khu 8,9 ha ICD Tân Cảng – Long Bình, toàn bộ lợi ích phát sinh từ dự án này và quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng (khu 6.783 ha thuộc Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình khu 130 ha) số 287/TCT-KHKD ngày 01/09/2018. Lãi suất áp dụng trong năm 2020 là 9,4%/năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	60.281.546.728	73.157.430.368
Trên 1 năm đến 5 năm	218.787.086.197	223.787.086.197
Trên 5 năm	52.857.860.967	74.368.473.743
Cộng	<u>331.926.493.892</u>	<u>371.312.990.308</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	298.155.559.940	359.678.903.710
Số tiền vay phát sinh	12.394.902.266	11.634.086.598
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	<u>(38.905.515.042)</u>	<u>(17.072.069.832)</u>
Số cuối kỳ	<u>271.644.947.164</u>	<u>354.240.920.476</u>

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty và công ty con không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	824.051.761	4.140.562.171	(2.451.798.003)	2.512.815.929
Quỹ phúc lợi	1.549.581.145	2.070.291.085	(2.023.702.518)	1.596.169.712
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	123.853.311	194.505.056	(93.000.000)	225.358.367
Cộng	<u>2.497.486.217</u>	<u>6.405.358.312</u>	<u>(4.568.500.521)</u>	<u>4.334.344.008</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm	245.022.450.000	84.773.845.798	66.507.523.921	32.207.792.725	428.511.612.444
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	45.196.319.037	3.807.355.824	49.003.674.861
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	6.672.239.390	(16.351.082.872)	-	(7.678.843.482)
Chia cổ tức	-	-	(36.753.367.500)	(2.940.000.000)	(39.693.367.500)
Trích lập các quỹ từ công ty con	-	540.101.304	(1.080.202.608)	(518.920.860)	(1.059.022.164)
Thù lao HĐQT, BKS tại Công ty con	-	-	(229.500.000)	(220.500.000)	(450.000.000)
Số dư cuối kỳ này	-	93.986.186.492	58.289.689.978	32.335.727.689	428.634.054.159
Số dư đầu năm nay	245.022.450.000	93.986.186.492	69.715.198.510	34.083.853.397	442.807.688.399
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	56.693.930.278	3.567.027.700	60.260.957.978
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ từ lợi nhuận năm trước	-	14.901.929.132	(16.081.224.188)	-	(1.179.295.056)
Chia cổ tức, lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	-	(36.753.367.500)	-	(36.753.367.500)
Tạm trích lập các quỹ tại Công ty mẹ từ lợi nhuận kỳ này	-	-	(5.226.063.256)	-	(5.226.063.256)
Số dư cuối kỳ này	245.022.450.000	108.888.115.624	68.348.473.844	37.650.881.097	459.909.920.565

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	125.750.000.000	125.750.000.000
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội	18.750.000.000	18.750.000.000
Các cổ đông khác	100.522.450.000	100.522.450.000
Cộng	<u>245.022.450.000</u>	<u>245.022.450.000</u>

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.502.245	24.502.245
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.502.245	24.502.245
- Cổ phiếu phổ thông	24.502.245	24.502.245
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.502.245	24.502.245
- Cổ phiếu phổ thông	24.502.245	24.502.245
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 02/2021/NQ-ĐHCD ngày 20/4/2021 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 36.753.367.500
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 14.901.929.132
• Trích quỹ khen thưởng	: 656.520.000
• Trích quỹ phúc lợi	: 328.270.000
• Trích quỹ thường ban quản lý điều hành	: 194.505.056
• Tạm trích quỹ khen thưởng từ lợi nhuận năm 2021	: 3.484.042.171
• Tạm trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021	: 1.742.021.085

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.844.770,33	2.568.410,24
Euro (EUR)	35.271,19	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ cho thuê kho và các dịch vụ đi kèm	381.382.660.751	324.503.860.733
Doanh thu cho thuê cầu tại Cát Lái	5.530.068.747	9.201.735.942
Doanh thu bán hồ sơ thầu	5.454.546	49.079.091
Cộng	386.918.184.044	333.754.675.766

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty và công ty con phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>		
Dịch vụ cung cấp cho Công ty mẹ	25.687.075.098	13.357.656.530
Cho Công ty mẹ thuê cầu tại Cảng Cát Lái	5.530.068.747	5.821.125.003
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng</i>		
Cung cấp dịch vụ	42.512.764	-
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</i>		
Cung cấp dịch vụ	7.912.100	35.200.308
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long</i>		
Cung cấp dịch vụ	416.272.500	71.952.872
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng</i>		
Cung cấp dịch vụ	7.986.439	418.522.500

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cho thuê kho và dịch vụ đi kèm	256.801.879.462	219.029.220.151
Cộng	256.801.879.462	219.029.220.151

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.103.994.516	1.871.382.905
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	37.768.783	261.765.977
Cổ tức, lợi nhuận được chia	260.000.000	11.692
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	130.681.393	851.173.558
Lãi bán ngoại tệ	153.590.000	5.977.000
Doanh thu tài chính khác	-	71.014.406
Cộng	1.686.034.692	3.061.325.538

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.381.566.124	23.110.618.314
Lỗ bán ngoại tệ	1.312.000	933.871.852
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	856.203.669	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	26.774.000
Chi phí tài chính khác	197.714.494	2.398.707.800
Cộng	20.436.796.287	26.469.971.966

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	130.800.004	348.799.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.676.436.346	147.739.437
Các chi phí khác	1.393.845.153	1.563.745.198
Cộng	3.201.081.503	2.060.284.632

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	15.939.849.938	13.178.959.487
Chi phí vật liệu quản lý	736.776.121	1.144.477.043
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.211.339.710	1.269.590.552
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.978.498.974	2.162.568.809
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	267.358.457	456.947.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.811.643.540	2.165.695.617
Các chi phí khác	9.572.372.957	7.745.672.767
Cộng	31.523.839.697	28.129.911.741

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền bồi thường	-	2.788.651
Truy thu bảo hiểm người lao động	8.692.738	54.499.543
Thu nhập khác	16.236.776	7.628.277
Cộng	24.929.514	64.916.471

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền ăn cho Hải quan	29.260.000	186.880.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	216.388.819	11.469.080
Chi phí khác	830.293.069	80.694.365
Cộng	1.075.941.888	279.043.445

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.693.930.278	45.196.319.037
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.226.063.257)	(2.056.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	51.467.867.021	43.140.319.037
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	24.502.245	24.502.245
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.101	1.760

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ này được tính trên cơ sở trừ số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 20/4/2021.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.366.003.266	5.918.580.280
Chi phí nhân công	47.234.694.282	42.421.748.926
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.197.159.145	42.092.869.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	169.411.297.030	142.591.818.035
Chi phí khác	25.317.646.939	16.194.399.515
Cộng	291.526.800.662	249.219.416.524

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty và công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và công ty con không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và công ty con không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty và công ty con gồm:

Bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng – STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	Công ty cùng chủ tịch

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch khác phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Chi phí mua vật tư, dịch vụ	1.806.243.160	1.831.617.320
Tiền thuế đất phải trả	13.879.090.935	11.726.831.880
Phải trả cổ tức năm trước	18.862.500.000	18.862.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng		
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	1.149.505.264	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	1.873.510.221	1.405.299.517
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép		
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	61.897.275	45.068.182
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	187.600.000	451.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC		
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	37.800.000	76.480.328
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu		
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	421.414.091	-
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long		
Chi phí thuê kho trong kỳ	-	27.198.990.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.11, V.13, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận do hoạt động của Tập đoàn chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cho thuê kho và dịch vụ đi kèm, tại một khu vực địa lý là trong lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu



Đào Thanh Bình

Kế toán trưởng



Lê Quỳnh Quang

Giám đốc



Phan Anh Tuấn